

Số: 1574/BC-CSVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần công bố thông tin Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2021 theo nội dung quy định tại Biểu số 3 Phụ lục II của Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam triển khai thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm 2021 trong bối cảnh tình hình kinh tế – xã hội bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, diễn biến khí hậu bất thuận ở nhiều thời điểm trong năm tại nhiều khu vực, nền kinh tế thế giới hồi phục chậm, đại dịch gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm tăng giá nguyên vật liệu sản xuất ... đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Kết thúc năm 2021 đầy thách thức, Tập đoàn đã vượt khó thành công, kết quả sản xuất kinh doanh với hầu hết các chỉ tiêu cốt lõi đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 28.351 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 6.213 tỷ đồng, vượt 8,6% so với kế hoạch được giao. Riêng Công ty mẹ - Tập đoàn, tổng doanh thu đạt 3.970 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 2.334 tỷ đồng.

Tập đoàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kép, vừa đảm bảo phòng chống dịch Covid - 19 vừa kiên trì, bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chấp thuận, đảm bảo lợi nhuận, duy trì việc làm, thu nhập cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Điều đó thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của tập thể Ban lãnh đạo, Ban điều hành, Tổ đại diện vốn nhà nước tại Tập đoàn, cùng toàn thể người lao động toàn Tập đoàn đã quyết tâm, đồng lòng, đoàn kết, sáng tạo, phát huy truyền thống 92 năm hào hùng của ngành cao su để đạt được thành tích tốt đẹp.

Ngoài sản xuất kinh doanh, Tập đoàn tiếp tục thực hiện hoàn thành nhiệm vụ tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Đề án tái cơ cấu Tập đoàn sau cổ phần hóa đến năm 2025. Bao gồm tái cơ cấu tỷ trọng ngành nghề kinh doanh chính, vận hành tốt hoạt động Tập đoàn theo mô hình công ty cổ phần, thoái vốn ở các công ty đủ điều kiện và sắp xếp lại cơ cấu doanh nghiệp để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển và tăng cường hiệu quả quản lý.

Do bị ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài, Tập đoàn có quy mô lớn và việc thực hiện cổ phần hóa đồng thời 24 đơn vị thành viên 100% vốn Tập đoàn cùng với cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn nên khối lượng công việc lớn. Tập đoàn đã thực hiện phù hợp với quy trình, qui định về việc chuyển doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Ngày 17/12/2021, Tập đoàn đã bàn giao doanh nghiệp cổ phần hóa sang công ty cổ phần Công ty mẹ - Tập đoàn cùng 20 công ty TNHH MTV Cao su, 4 đơn vị sự nghiệp, được lãnh đạo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ghi nhận và biểu dương.

Bên cạnh việc hoàn thành tốt nhiệm vụ kép, Tập đoàn đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và cả nước, nhất là tạo sức bật mạnh mẽ cho ngành cao su Việt Nam. Năm 2021, Tập đoàn tiếp tục có 20 đơn vị thành viên nằm trong Top 100 Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững.

Song song với việc tiếp tục phát huy tốt công tác phòng chống dịch, gần 100% người lao động và gia thuộc toàn Tập đoàn đã được tiêm vaccine Covid-19. Hưởng ứng lời kêu gọi “Toàn dân tham gia ủng hộ phòng chống dịch Covid-19” của Thủ tướng Chính phủ, Tập đoàn đã hình thành Quỹ hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhằm chung tay đẩy lùi dịch bệnh, cùng nhau tái thiết, ổn định cuộc sống. Không những vậy, Tập đoàn còn ủng hộ Quỹ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của quốc gia 200 tỷ đồng; cùng hàng trăm tỷ đồng ủng hộ cho các tỉnh và

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch thể hiện chi tiết tại Bảng số 1.

Bảng số 1:
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản lượng cao su tự khai thác	Tấn	379.265		402.917
b)	Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	449.996	32.290	465.211
c)	Sản lượng gỗ phôi	m3	312.000		241.216
d)	Sản lượng gỗ MDF	m3	1.051.000		1.004.424
e)	Găng tay cao su	Triệu cái	2.409		1.705
f)	Băng tải cao su	m2	175.000		194.469
g)	Đất khu công nghiệp cho thuê	Ha	285		38
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.799	3.970	28.351
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.059	2.334	6.213
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.059	2.334	5.340
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà	Tỷ đồng		24,826	3.014

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
	nước				
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng		42,87	9.962,6
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	255	243	73.434
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	78,67	71,154	7.253,25
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	12,39	9,92	115,43
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	66,28	61,236	7.137,82

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công):

Tập đoàn không có dự án đầu tư quy mô nhóm B trở lên.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Lũy kế đến 31/12/2021, Công ty mẹ - Tập đoàn có giá trị đầu tư tài chính dài hạn là 36,555 tỷ đồng, cụ thể như sau:

TT	Chi tiết	31/12/2021	01/01/2021
	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	36.554.719.874.692	36.516.327.110.428
1.	Đầu tư vào công ty con	31.388.155.726.363	31.350.956.481.544
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.749.855.611.109	5.749.064.611.109
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	203.111.202.124	203.111.202.124
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(786.402.664.904)	(786.805.184.349)

a) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (19 công ty): 5.749,86 tỷ đồng

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 của 19 đơn vị trên như sau:

+ Tổng doanh thu đạt 8.813 tỷ đồng.

+ Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 1.878 tỷ đồng

- Trong 19 công ty cổ phần đầu tư liên kết, có 04 có kết quả SXKD lỗ, chủ yếu là những đơn vị đầu tư trồng cao su tại Vương quốc Campuchia mới đưa vào khai thác có năng suất khai thác thấp.

- Cổ tức được chia từ các đơn vị liên kết là 356 tỷ đồng, đạt 6,19% vốn góp.

b) Đầu tư tài chính khác vào 10 công ty (có vốn góp dưới 20% vốn điều lệ): 203,111 tỷ đồng

- Cổ tức thu được từ các đơn vị này là 13 tỷ đồng, bằng 6,40% vốn góp.

c) Thực hiện tăng, giảm vốn tại các công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác:

Trong năm 2021, Tập đoàn tiếp tục đầu tư góp vốn vào các công ty cao su theo tiến độ thực hiện dự án hàng năm để đảm bảo góp đủ vốn điều lệ theo cam kết và theo quy mô dự án thực tế, trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt hàng năm, trong năm 2021, Tập đoàn đã thực hiện góp vốn đầu tư vào các công ty cổ phần với số tiền là 37.990 triệu đồng.

* Nhận xét:

- Việc đầu tư, góp vốn của Tập đoàn vào các đơn vị thành viên về cơ bản là đảm bảo các thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Các đơn vị thành viên Tập đoàn có thực hiện chuyển nộp lợi nhuận, cổ tức cho Tập đoàn, tuy nhiên vẫn có một số đơn vị chưa có lợi nhuận nên chưa chuyển lợi nhuận và cổ tức cho Tập đoàn vì chưa có hiệu quả SXKD hoặc đang trong giai đoạn đầu tư XDCB.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Đến 31/12/2021, Công ty mẹ - Tập đoàn còn tiếp tục đầu tư vào 80 công ty, đơn vị thành viên. Việc đầu tư góp vốn và kết quả sản xuất kinh doanh được phân tích theo tiêu chí công ty con, công ty liên kết và đầu tư tài chính dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2021, như sau:

a) Đầu tư góp vốn vào 24 Công ty con, đơn vị sự nghiệp do Công ty mẹ - Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ: **19.650 tỷ đồng**

Trong đó:

Đầu tư vào 20 Cty TNHH MTV cao su là: 19.486 tỷ đồng

Đầu tư vào 04 đơn vị sự nghiệp là: 164 tỷ đồng

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 của 24 đơn vị trên như sau:

+ Tổng doanh thu đạt 11.075 tỷ đồng (bằng 109,90% so với doanh thu thực hiện năm 2020);

+ Tổng Lợi nhuận sau thuế đạt 1.783 tỷ đồng (bằng 109,05% so với doanh thu thực hiện năm 2020).

- Trong 24 đơn vị trên có 20 đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận và 04 đơn vị bị lỗ.

+ Kết quả SXKD của 20 đơn vị có lãi với kết quả như sau: Tổng doanh thu đạt 10.896 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.843 tỷ đồng;

+ Kết quả SXKD của 04 đơn vị bị lỗ (03 Cty cao su, 01 đơn vị sự nghiệp): Doanh thu đạt 179 tỷ đồng, lỗ 60 tỷ đồng. Nguyên nhân bị lỗ do một số đơn vị có năng suất vườn cây kém.

- Lợi nhuận thu được từ các công ty TNHH MTV, đơn vị sự nghiệp năm 2021 là 1.042 tỷ đồng, đạt 5,30% vốn góp của Công ty mẹ.

b) Đầu tư góp vốn vào 27 công ty cổ phần có vốn góp trên 50% vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tập đoàn: **11.738 tỷ đồng**


- Doanh thu của 27 công ty cổ phần do Công ty mẹ giữ trên 50% vốn điều lệ đạt 11.786 tỷ đồng (bằng 115,20% doanh thu thực hiện năm 2020); lợi nhuận sau thuế đạt 2.232 tỷ đồng (bằng 111,82% lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020). Trong đó có 21 công ty SXKD có lãi và 06 công ty bị lỗ, trong đó: có 02 công ty cao su khu vực miền núi phía Bắc và 01 công ty cao su khu vực Bắc trung bộ (do năng suất thấp); 01 công ty thủy điện bị thiên tai do mưa bão năm 2020 còn ảnh hưởng; 02 công ty công nghiệp, dịch vụ hoạt động chưa có hiệu quả;

- Cổ tức được chia từ các công ty có vốn góp trên 50% của Công ty mẹ là 1.074 tỷ đồng, đạt 9,15%/vốn góp.

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến hết sức phức tạp, dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn (đặc biệt là các đơn vị tại Lào và Campuchia); mặc dù lãi vay vốn có giảm nhưng vẫn còn đứng ở mức cao, tình hình hồi phục kinh tế diễn ra chậm, giá bán mủ cao su có hồi phục nhưng vẫn ở mức thấp đã làm cho công tác tiêu thụ cao su của Tập đoàn gặp không ít khó khăn.

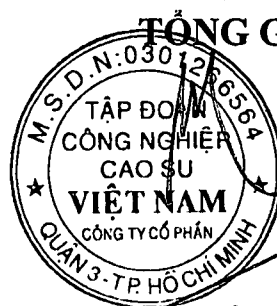
Tình hình thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp như bão, lốc xoáy, mưa lũ, sạt lở đất, rét đậm, rét hại và các loại bệnh phấn trắng, bệnh nấm hồng... phát sinh thường xuyên đã làm ảnh hưởng rất lớn đến năng suất, sản lượng cao su cũng như chi phí đầu tư cho cao su KTCB.

2. Tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty mà Tập đoàn nắm trên 50% vốn điều lệ chi tiết tại Bảng số 3 (đính kèm)./.

Nơi nhận:

- Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại DN;
- Cục PTDN – Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Phòng CNTT (để công bố);
- Lưu: VT, KHĐT.



TỔNG GIÁM ĐỐC 

Lê Thanh Hưng



Bảng số 3:

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CÔ PHẦN CHI PHỐI
(Định kèm Báo cáo số 1574/BC-CSVN ngày 10/06/2022 của Tập đoàn)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp nhà nước	Tổng nợ phải trả
I	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1	Công ty TNHH MTV Công ty CS Đồng Nai	3.025,80	3.025,80	5.140,51	1.904,80	321,04	272,69	165,37	322,32	2.065,42
2	Công ty TNHH MTV CS Bình Long	935,04	935,04	1.597,45	1.142,73	282,39	227,21	124,21	119,57	624,18
3	Công ty TNHH MTV CS Dầu Tiếng	2.530,77	2.530,77	3.774,76	1.789,21	289,66	236,18	110,07	180,29	1.186,56
4	Công ty TNHH MTV CS Lộc Ninh	1.077,86	1.077,86	1.785,24	771,08	204,89	163,18	112,00	72,81	687,42
5	Công ty TNHH MTV CS Phú Riềng	1.502,02	1.502,02	2.637,93	1.726,66	506,46	406,82	266,26	152,61	1.095,88
6	Công ty TNHH MTV CS Krông Buk	716,47	716,47	809,33	157,81	4,01	3,10	0,00	10,56	91,29
7	Công ty TNHH MTV CS Eah Leo	615,59	615,59	757,26	364,66	59,48	50,69	20,30	27,68	129,79
8	Công ty TNHH MTV CS Chư Prông	1.005,49	1.005,49	1.394,66	402,17	77,87	71,86	32,61	30,24	373,74
9	Công ty TNHH MTV CS Chư Sê	1.457,73	1.457,73	1.994,00	163,44	41,50	37,29	18,73	26,92	529,46
10	Công ty TNHH MTV CS Kon Tum	627,88	627,88	940,53	504,70	141,04	126,70	82,05	32,39	296,99
11	Công ty TNHH MTV CS Mang Yang	1.452,75	1.452,75	1.729,55	562,82	67,19	55,81	31,71	37,80	267,32
12	Công ty TNHH MTV CS Chư Păh	1.152,89	1.152,89	1.575,80	378,05	102,80	93,52	47,68	23,28	402,21
13	Công ty TNHH MTV CS Quảng Nam	643,08	643,08	846,09	127,43	-50,91	-50,91	0,00	0,10	383,44
14	Công ty TNHH MTV CS Nam Giang - QN	384,20	384,20	511,00	55,26	8,37	8,37	0,00	1,30	149,00
15	Công ty TNHH MTV CS Hà Tĩnh	667,31	667,31	815,29	81,41	0,43	0,43	0,00	4,93	192,00
16	Công ty TNHH MTV CS Hương Khê - HT	625,71	625,71	922,01	42,02	-8,37	-8,37	0,00	0,81	348,21
17	Công ty TNHH MTV CS Thanh Hóa	239,80	239,80	414,22	71,21	0,45	0,45	0,00	3,12	187,82
18	Công ty TNHH MTV CS Quảng Trị	432,78	432,78	624,13	111,56	9,09	8,10	0,00	7,43	188,10
19	Công ty TNHH MTV CS Bình Thuận	313,74	313,74	499,08	526,49	80,89	67,79	30,48	36,81	169,77
20	Công ty TNHH MTV CS Quảng Ngãi	79,43	79,43	42,92	4,44	-0,94	-0,94	0,00	0,41	10,40
21	Trường Cao đẳng CN Cao su	18,97	18,97	105,74	56,12	3,52	2,68	0,00	1,30	14,55
22	Tạp chí Cao su	11,34	11,34	20,24	28,08	0,13	0,11	0,00	0,90	8,76
23	Viện nghiên cứu Cao su VN	131,79	131,79	203,35	97,54	11,77	9,63	0,29	3,57	50,97
24	Trung tâm Y tế Cao su	1,72	1,72	8,00	4,99	0,00	0,00	0,00	0,08	5,30

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp nhà nước	Tổng nợ phải trả
II	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
1	Công ty CP VRG Bảo Lộc	260,21	245,62	764,15	173,61	85,21	80,94	0,00	27,77	19,68
2	Công ty CP gỗ MDF-Geruco Quảng Trị	551,14	303,95	1.305,38	1.121,10	104,13	85,87	36,33	132,61	580,33
3	Công ty CP Thủy Điện Geruco Sông Côn	374,92	191,25	724,47	188,59	31,53	29,21	0,00	54,82	235,99
4	Công ty CP Công nghiệp & XNK CS	100,30	89,54	288,38	413,97	3,46	2,45	0,00	10,85	154,48
5	Công ty CP Đầu tư thủy điện VRG Phú Yên	324,83	269,18	709,55	84,92	-2,54	-2,54	0,00	16,88	417,44
6	Công ty CP VRG Đak Nông	297,73	206,09	715,27	133,40	12,87	12,87	0,00	33,72	402,89
7	Công ty CP Thể Thao Ngôi Sao Geru	22,00	6,23	41,72	72,29	1,19	0,85	0,00	1,79	16,58
8	Công ty CP Cao Su Sa Thầy	687,57	404,92	926,38	274,88	59,04	56,92	0,00	13,38	158,30
9	Công ty CP Cao Su Sơn La	1.038,67	723,53	1.270,74	192,19	22,51	22,51	0,00	9,95	274,02
10	Công ty CP Cao Su Tây Ninh	300,00	390,60	1.639,91	431,87	125,63	109,60	34,20	55,94	121,34
11	Công ty CP Cao Su Đồng Phú	430,00	840,00	2.403,98	1.104,51	469,42	378,90	72,00	133,98	309,70
12	Công ty CP Cơ khí Cao Su	27,00	19,44	108,00	110,48	6,03	4,97	0,00	8,06	70,10
13	Công ty CP Cao Su Hà Giang	341,63	282,45	339,21	16,91	-2,82	-2,82	0,00	0,00	5,43
14	Công ty CP Quasa-Geruco	823,79	602,47	1.125,05	501,36	65,31	61,37	0,00	7,47	471,12
15	Công ty CP Cao Su Lai Châu	1.000,00	837,74	1.119,26	212,15	24,34	24,34	0,00	1,24	135,03
16	Công ty CP Cao Su Điện Biên	698,23	420,69	779,90	126,20	16,11	15,81	0,00	2,00	80,96
17	Công ty CP Cao Su Phước Hòa	1.354,99	1.126,49	3.338,80	1.742,31	360,03	330,35	406,19	225,29	789,17
18	Công ty CP Cao su Lai Châu II	755,12	669,09	810,68	86,23	5,50	5,50	0,00	1,25	65,05
19	Công ty CP Cao su Yên Bái	424,62	345,41	426,70	8,31	-0,16	-0,16	0,00	0,00	3,21
20	Công ty CP Cao Su Hòa Bình	302,07	502,95	847,79	214,88	22,21	22,07	0,00	16,61	296,75
21	Công ty CP TM DV và Du lịch Cao Su	369,43	37,17	41,19	107,98	-3,28	-3,28	0,00	0,84	20,52
22	Công ty CP VRG Khai Hoàn	290,00	159,84	1.102,71	2.216,31	847,09	678,48	281,23	240,58	514,98
23	Công ty CP Đầu tư PTCS Nghệ An	661,56	618,66	662,42	26,76	-2,64	-2,64	0,00	0,00	8,50
24	Công ty CP VRG Nhật Bản	10,50	5,27	22,98	121,06	-1,60	-1,60	0,00	0,05	13,42
25	Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	479,00	477,00	1.155,43	812,11	33,11	33,11	0,00	66,00	763,45
26	Công ty CP cao su Bà Rịa	1.125,00	1.096,52	1.578,35	567,81	161,16	146,32	71,27	62,05	247,54
27	Công ty CP cao su Tân Biên	879,45	865,91	1.552,31	723,96	176,41	142,87	173,18	97,55	314,48